



(Kèm theo QĐ số: 311... /QĐ - UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Nhà)

DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ THEO ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 THÁNG 9->12 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
1	Lò Bảo Nam	22/01/2019	1a1	Kho mù	Lò Thị Minh	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
2	Lò Văn Quỳnh	01/12/2019	1a1	Kho mù	Lò Thị Vân	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
3	Lò Thị Phương Thảo	9/12/2019	1a1	Kho mù	Lò Thị Minh	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
4	Lò Thị Thúy Linh	24/08/2019	1a1	Kho mù	Nạ Thị Thor	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
5	Lò Thị Yên Lành	23/10/2019	1a1	Kho mù	Lò Văn Long	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
6	Quảng Đức Tài	07/01/2019	1a1	Thái	Quảng Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
7	Thào A Khu	10/02/2019	1a1	Mông	Hờ Thị Súa	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
8	Vừ Thị Kìa	12/04/2019	1a1	Mông	Vừ A Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
9	Lường Duy Khánh	25/08/2019	1a1	Kho mù	Lường Văn Đêm	Nà Chén - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
10	Cút Thị Hạo Kim	29/11/2018	1a2	Kho mù	Cút Văn Học	Nà Chén - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
11	Thào A Toán	24/12/2018	1a2	Mông	Thào A Vá	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
12	Lường Phú Anh	4/02/2019	1a2	Kho mù	Lường Văn Biên	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
13	Lò Văn Cảnh	01/12/2019	1a2	Kho mù	Lò Thị Hợp	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
14	Lò Anh Phú	02/06/2019	1a2	Kho mù	Lò Văn Quế	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
15	Lò Kim Phương	28/06/2019	1a2	Kho mù	Lò Văn Kiêm	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
16	Lò Thị Mai Phương	29/10/2019	1a2	Kho mù	Lò Văn Lả	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
17	Lường Thiên Lưu	26/07/2019	1a2	Kho mù	Lường Thị Nghiễm	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
18	Thào Thị Vừ	04/03/2019	1a2	Mông	Thào A Chữ	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
19	Thào Xuân Hồng	13/04/2019	1a2	Mông	Thào A Say	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
20	Lò Thị Tâm Như	29/03/2019	1a2	Kho mù	Lò Văn Khôi	Nà Chén - Mường nhà	936.000		15	5	4.680.000		75	
21	Lường Bảo Bằng	27/05/2018	2A	Kho mù	Lường Văn Vượt	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
22	Lò Gia Bảo	17/05/2018	2A	Kho mù	Lò Văn Cường	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
23	Lường Thành Đồ	29/10/2018	2A	Kho mù	Lường Văn Hồng	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
24	Thào A Đức	23/11/2018	2A	Mông	Thào A Cài	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
25	Sùng Thị Hoa	16/09/2018	2A	Mông	Thào Thị Bia	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
26	Cút Xuân Huy	26/11/2018	2A	Kho mù	Cút Văn Quyền	Nà Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
27	Thào A Lềnh	19/09/2018	2A	Mông	Thào A Lồng	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
28	Lò Tuấn Linh	15/10/2018	2A	Kho mù	Lò Văn Vui	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
29	Mòng Tuệ Mẫn	10/01/2018	2A	Kho mù	Mòng Thị May	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
30	Lường Thị Pàn	04/07/2018	2A	Kho mù	Lường Văn Nhân	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
31	Lò Thị Diệp Phi	12/10/2018	2A	Kho mù	Lò Văn Thuận	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
32	Lò Thị Phương	01/06/2018	2A	Khơ mú	Lò Văn Mân	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
33	Lò Thị Anh Thư	21/11/2018	2A	Khơ mú	Quàng Văn Xuân	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
34	Cút Minh Thương	18/08/2018	2A	Khơ mú	Cút Văn Hương	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
35	Lương Ngọc Tinh	29/12/2018	2A	Khơ mú	Lương Văn Thương	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
36	Thào Thị Dĩa	2016	2A	Mông	Thào A Vá	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
37	Lò Thị Kim Chi	30/08/2017	3A1	Khơ mú	Lò Văn Uân	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
38	Mong Thị Mỹ Chi	12/10/2017	3A1	Khơ mú	Mong Văn Yên	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
39	Cút Huy Hoàng	21/01/2017	3A1	Khơ mú	Cút Văn Thor	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
40	Lương Thị Kim Ngân	08/03/2017	3A1	Khơ mú	Lương Văn Muôn	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
41	Lương Anh Phú	03/04/2017	3A1	Khơ mú	Lương Văn Biên	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
42	Lương Thiên Phú	02/12/2017	3A1	Khơ mú	Lương Thị Nghiêm	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
43	Thào Thị Sênh	20/11/2017	3A1	Mông	Thào A Ly	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
44	Vừ A Tiên	27/07/2017	3A1	Mông	Vừ A Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
45	Lương Thị Thanh Xuân	16/02/2017	3A1	Khơ mú	Lương Văn Thuận	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
46	Lương Sơn Bá	20/12/2017	3A1	Khơ mú	Lương Văn Chiến	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
47	Vàng Nhập Du	13/04/2016	3A1	Mông	Sùng Thị Dinh	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
48	Lò Khánh Bin	23/09/2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn Sơn	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
49	Thào Thị Co	01/11/2017	3A2	Mông	Thào A Vừ Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
50	Lương Văn Đạt	18/04/2017	3A2	Khơ mú	Lương Văn Thân	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
51	Lò Hải Đăng	21/04/2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn Tường	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
52	Lò Việt Hoàng	28/01/2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn Tuyển	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
53	Lò Đức Mạnh	27/11/2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn May	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
54	Lò Văn Minh Nghĩa	09/01/2017	3A2	Khơ mú	Lò Văn Nhi	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
55	Thào A May Sơn	17/03/2017	3A2	Mông	Thào A Chénh	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
56	Lò Văn Thiên	26/12/2016	3A2	Khơ mú	Lò Văn Mân	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
57	Lương Hạo Thiên	01/09/2017	3A2	Khơ mú	Lương Văn Tiến	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
58	Lương Ngọc Tuyết	26/02/2017	3A2	Khơ mú	Lương Văn Thương	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
59	Lương Văn Đảo	14/04/2016	4A1	Khơ mú	Lương Văn Hặc	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
60	Thào Dải Hoa	08/02/2016	4A1	Mông	Thào A Dê	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
61	Thào Thị Hua	13/10/2016	4A1	Mông	Thào A Lông	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
62	Lò Thị Minh Ngọc	12/07/2016	4A1	Khơ mú	Lò Văn Cường	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
63	Lò Thị Hồng Nguyễn	15/12/2016	4A1	Khơ mú	Lò Thị Thiết	Huổi Cánh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
64	Lò Thị Phương Thủy	27/05/2016	4A1	Khơ mú	Lò Văn Thanh	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
65	Cút Anh Tuấn	05/09/2016	4A1	Khơ mú	Cút Văn Thor	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
66	Thào A Tuấn	27/11/2016	4A1	Mông	Thào Á Cai	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
67	Lò Thị Phương Tuyết	14/04/2015	4A1	Khơ mú	Lò Văn Chương	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
68	Lò Duy Nam	13/01/2016	4A1	Lào	Lò Văn Bun	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
69	Vừ Thị Chu	15/03/2015	4A2	Mông	Vừ A Pô	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
70	Lường Thanh Dương	06/07/2016	4A2	Khơ mú	Lường Văn Lum	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
71	Cút Văn Hiệp	26/08/2016	4A2	Khơ mú	Cút Văn Khuyên	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
72	Cút Xuân Hiếu	30/09/2016	4A2	Khơ mú	Cút Văn Học	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
73	Lường Duy Khánh	24/10/2016	4A2	Khơ mú	Lường Văn Muôn	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
74	Lường Thị Chúc Mai	28/08/2016	4A2	Khơ mú	Lường Văn Quỳnh	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
75	Sùng Thị Chi Mai	24/12/2016	4A2	Mông	Sùng A Vừ	Pú Hồng B - Điện Biên Đôn	936.000		15	4	3.744.000		60	
76	Thào Thị Tâm	03/12/2016	4A2	Mông	Thào A Công	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
77	Mong Thị Thiên Trúc	21/05/2016	4A2	Khơ mú	Mong Văn Yên	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
78	Lường Minh Vương	28/05/2016	4A2	Khơ mú	Lường Thị Biễn	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
79	Sùng Thị Cả	03/01/2015	5A1	Mông	Sùng A Vừ	Pú Hồng - DBD	936.000		15	4	3.744.000		60	
80	Thào Thị Chư	26/03/2015	5A1	Mông	Thào A Công	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
81	Lò Thủy Linh	10/08/2015	5A1	Khơ mú	Lò Văn Tiến	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
82	Lường Thị Bảo Nam	10/11/2015	5A1	Khơ mú	Cút Văn Nén	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
83	Lò Thị Minh Nghệ	18/05/2015	5A1	Khơ mú	Lò Văn Minh	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
84	Lò Thị Kim Phượng	10/10/2015	5A1	Khơ mú	Lò Văn Tuyên	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
85	Thào Thị Si	01/01/2014	5A1	Mông	Thào A Vừ Pô	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
86	Lường Văn Thắm	22/01/2015	5A1	Khơ mú	Lường Văn Bầu	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
87	Mòng Đông Úc	25/02/2015	5A1	Khơ mú	Mòng Văn Kẹo	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
88	Lò Văn Lâm	2013	5A1	Khơ mú	Lò Văn Thanh	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
89	Giăng A Say	2013	5A1	Mông	Giăng A Pô	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
90	Lò Thị Minh Hậu	11/05/2015	5A2	Khơ mú	Lò Văn Siêng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
91	Lường Thị Ngọc Hoàng	08/02/2015	5A2	Khơ mú	Lò Văn Tương	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
92	Thào A Nénh	23/12/2015	5A2	Mông	Thào A Ly	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
93	Lò Thị Nguyệt	24/04/2015	5A2	Khơ mú	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
94	Lường Văn Phúc	17/07/2015	5A2	Khơ mú	Lường Văn Thân	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
95	Lò Thị Minh Thương	18/07/2015	5A2	Khơ mú	Cút Văn Thân	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
96	Lường Thị Út	20/03/2015	5A2	Khơ mú	Lường Văn Đêm	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
97	Lường Thị Ưong	13/06/2015	5A2	Khơ mú	Lò Văn Là	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
98	Lò Anh Tuấn	01/11/2014	5A2	Khơ mú	Lò Văn Thanh	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
99	Lò Văn Trang	05/12/2014	5A2	Khơ mú	Lò Văn Tuấn	Kham Pòm - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
100	Lường Hồng Bạch	26/11/2014	6A1	Khơ mú	Lường Văn Toàn	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
101	Lường Thị Chia	07/11/2014	6A1	Khơ mú	Lường Thị Lum	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
102	Lò Đức Duy	23/01/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn Tiến	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
103	Lường Thành Đạt	05/04/2014	6A1	Khơ mú	Lường Văn Tiến	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
104	Lò Thu Hằng	24/09/2014	6A1	Lào	Lò Văn Si	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
105	Lò Hải Hậu	14/04/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn My	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
106	Lương Văn Hề	16/12/2014	6A1	Khơ mú	Lương Văn Lum	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
107	Lò Văn Hiệp	12/04/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn Liêng	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
108	Lò Thị Lan	14/04/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn Ngan	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
109	Lò Tùng Lâm	25/05/2014	6A1	Lào	Lò Văn Chính	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
110	Thào Thị Ca Lia	16/08/2014	6A1	Mông	Thào A Tùng	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
111	Lương Văn Long	18/01/2014	6A1	Khơ mú	Lương Văn Trường	Tin Tắc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
112	Lò Thị Thanh Nhân	30/04/2014	6A1	Lào	Lò Văn Phương	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
113	Mòng Văn Nhất	12/05/2014	6A1	Khơ mú	Mòng Văn Siêng	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
114	Thào Thị Nu	24/11/2014	6A1	Mông	Thào A Sia	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
115	Thào Thị Pa	23/04/2014	6A1	Mông	Thào A Say	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
116	Thào Cho Pó	06/08/2014	6A1	Mông	Thào A Mênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
117	Thào A Ly Sênh	04/09/2014	6A1	Mông	Thào Da Pó	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
118	Giăng Thị Sua	15/06/2014	6A1	Mông	Giăng A Po	Bản Nóc Cốc - Mường Lâm	936.000		15	4	3.744.000		60	
119	Lò Minh Thanh	19/05/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn Là	Tin Tắc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
120	Lương Thị Thanh	04/01/2014	6A1	Khơ mú	Lương Văn Nhọt	Tin Tắc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
121	Lò Thị Truyền	30/04/2014	6A1	Khơ mú	Lò Văn Tinh	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
122	Quảng Thị Minh Tuệ	09/10/2014	6A1	Khơ mú	Quảng Văn Tiến	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
123	Thào A Anh	08/01/2014	6A2	Mông	Thào A Cai	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
124	Lương Thị Bích	08/01/2014	6A2	Khơ mú	Lương Văn Bao	Tin Tắc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
125	Cút Thị Doanh	17/06/2014	6A2	Khơ mú	Cút Văn Quyền	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
126	Lương Thị Dương	30/11/2014	6A2	Khơ mú	Lương Văn Lâm	Co Đũa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
127	Lò Nguyễn Yên Hoà	27/05/2014	6A2	Lào	Lò Văn Xuân	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
128	Lò Văn Minh Khải	15/12/2014	6A2	Khơ mú	Lò Văn Nhi	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
129	Lương Duy Lợi	13/10/2014	6A2	Khơ mú	Lương Thị Thuận	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
130	Thào Thị Ly	24/11/2014	6A2	Mông	Thào A Sia	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
131	Lò Thị Minh Mẫn	26/05/2014	6A2	Lào	Lò Văn Khui	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
132	Thào A Ná	25/11/2013	6A2	Mông	Thào A Vư Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
133	Lương Văn Phong	15/01/2014	6A2	Khơ mú	Lò Văn Thương	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
134	Lò Đình Thái	03/09/2014	6A2	Lào	Lò Văn Thông	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
135	Lương Văn Thiên	29/10/2014	6A2	Khơ mú	Lương Thị Biên	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
136	Thào A Thống	04/05/2014	6A2	Mông	Thào A Thụy	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
137	Lò Thị Thuận	12/05/2014	6A2	Khơ mú	Lò Văn Nhi	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
138	Lò Thị Thụy	19/01/2014	6A2	Khơ mú	Lò Văn Cương	Tin Tắc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
139	Thào A Thương	10/07/2014	6A2	Mông	Thào A Dưa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
140	Lò Thị Thụy Tiên	09/03/2014	6A2	Lào	Lò Văn Bun	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
141	Lò Thị Hiền Trang	18/03/2014	6A2	Lào	Lò Văn Mẫn	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
142	Lương Văn Hạo Trường	12/03/2014	6A2	Khơ mú	Lương Văn Chuyên	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
143	Lò Thanh Tùng	01/03/2014	6A2	Khơ mú	Mong Thị Thoa	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
144	Thào A Văn	26/05/2014	6A2	Mông	Thào A Cừ	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
145	Lò Văn Vương	05/02/2014	6A2	Khơ mú	Lò Văn Vui	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
146	Lò Thị Xuyên	30/11/2014	6A2	Khơ mú	Lường Văn Lâm	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
147	Lò Văn Bắc	14/02/2014	6A2	Lào	Lò Văn Chiến	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
148	Lò Văn Bình	02/11/2013	6A3	Khơ mú	Lò Văn Nhi	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
149	Lò Đức Anh	11/09/2014	6A3	Lào	Lò Văn Dũng	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
150	Lò Văn Bình	02/11/2013	6A3	Khơ mú	Lò Văn Nhi	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
151	Lò Thị Ngọc Chi	01/11/2014	6A3	Khơ mú	Lò Văn Viên	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
152	Lò Thị Diệp	12/07/2014	6A3	Khơ mú	Lò Văn Vận	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
153	Lường Thị Doanh	18/10/2014	6A3	Khơ mú	Lường Văn Sết	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
154	Quàng Thị Dương	10/05/2024	6A3	Khơ mú	Quàng Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
155	Lường Văn Hành	05/02/2014	6A3	Khơ mú	Lường Văn Quân	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
156	Thào A Khánh	07/04/2014	6A3	Mông	Thào A Công	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
157	Sùng A Khua	21/09/2014	6A3	Mông	Sùng Thị Nénh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
158	Lò Minh Kiên	20/12/2014	6A3	Khơ mú	Lò Văn Khuyên	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
159	Lò Thị Lệ	25/01/2014	6A3	Lào	Lò Văn Muôn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
160	Lường Thị Lợi	28/05/2014	6A3	Khơ mú	Lường Văn Quý	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
161	Thào A Sinh	30/07/2014	6A3	Mông	Thào A Chư	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
162	Thào Thị Tau	14/01/2024	6A3	Mông	Thào A Công	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
163	Vi Cường Thịnh	09/11/2014	6A3	Lào	Vi Văn Thới	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
164	Vi Thị Anh Thơ	26/02/2014	6A3	Lào	Vi Văn Thoan	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
165	Lường Văn Thuận	19/01/2014	6A3	Khơ mú	Lường Văn Anh	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
166	Thào Thị Thủy	31/03/2014	6A3	Mông	Thào A Dĩa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
167	Cùi Văn Trúc	22/11/2014	6A3	Khơ mú	Cùi Văn Cát	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
168	Lường Thị Vân	23/09/2014	6A3	Khơ mú	Lường Văn Nga	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
169	Lò Thị Tường Vi	03/09/2014	6A3	Khơ mú	Lò Văn Quyền	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
170	Lường Văn Việt	15/02/2014	6A3	Thái	Lường Văn Thào	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
171	Thào A Minh	18/9/2014	6A3	Mông	Thào A Dả	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
172	Thào Thị Công	10/09/2014	6A4	Mông	Thào A Cha	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
173	Lò Chảo Bảo Cường	23/09/2014	6A4	Lào	Lò Văn Lan	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
174	Thào Sĩ Di	14/01/2014	6A4	Mông	Thào A Nénh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
175	Lò Thị Ngọc Diễm	03/11/2014	6A4	Lào	Lò Tiến Văn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
176	Lò Thị Ngọc Duyên	02/01/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Thu	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
177	Thào Thị Giông	20/02/2014	6A4	Mông	Thào A Vả	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
178	Lò Nam Giới	12/02/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Phương	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
179	Cùi Thị Hằng	25/11/2014	6A4	Khơ mú	Cùi Văn Khuyên	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
180	Lò Văn Huru	12/09/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Năm	Cò Dừa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
181	Lường Văn Khai	15/05/2014	6A4	Khơ mú	Lường Văn Thoi	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
182	Lường Văn Khải	14/09/2014	6A4	Khơ mú	Lường Văn May	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
183	Lường Thị Lan	19/06/2014	6A4	Khơ mú	Lường Văn Dân	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
184	Lò Văn Lập	29/01/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Thiêm	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
185	Thào Ngọc Lư	12/07/2014	6A4	Mông	Thào A Lệnh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
186	Lường Duy Mạch	11/04/2014	6A4	Khơ mú	Lường Văn Tích	Cò Dừa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
187	Thào Thị Mai	09/01/2014	6A4	Mông	Thào A Sĩa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
188	Lò Văn Mạnh	23/11/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Chung	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
189	Lò Thị Ngân	29/08/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Vi	Pá Chá - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
190	Vì Thị Hồng Sen	04/01/2014	6A4	Lào	Vì Văn Sơn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
191	Vừ A Sông	17/07/2014	6A4	Mông	Vừ Pó Chua	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
192	Lường Văn Tuệ	29/10/2014	6A4	Khơ mú	Lường Văn Lan	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
193	Lò Thị Tươi	19/03/2014	6A4	Khơ mú	Lò Văn Khôi	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
194	Mòng Thị Xuyên	12/04/2014	6A4	Khơ mú	Mòng Văn Khăm	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
195	Lường Thị Anh	25/04/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Nhọt	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
196	Mòng Thị Hồng Anh	19/10/2013	7A1	Khơ mú	Mòng Văn Quỳnh	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
197	Vì Phan Anh	18/11/2013	7A1	Lào	Vì Văn Tha	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
198	Lò Thị Bình	07/10/2013	7A1	Khơ mú	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
199	Lò Thị Chi	11/04/2013	7A1	Khơ mú	Lò Văn Hình	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
200	Lường Văn Chuyên	11/02/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Bao	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
201	Thào Thị Chư	06/02/2013	7A1	Mông	Thào A Tùng	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
202	Thào A Cường	16/07/2013	7A1	Mông	Thào A Vừ	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
203	Lò Thị Hồng Diệp	29/12/2013	7A1	Lào	Lò Văn Long	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
204	Lường Văn Đôn	13/08/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Sâm	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
205	Thào Thị Dưa	22/12/2013	7A1	Mông	Thào A Sênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
206	Cút Văn Hặc	04/06/2013	7A1	Khơ mú	Cút Văn Lư	Cò Dừa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
207	Lường Văn Hoàng	11/07/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Nhân	Cò Dừa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
208	Lò Thị Khánh Huyền	14/07/2013	7A1	Lào	Lò Văn Hải	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
209	Lò Văn Khai	41501	7A1	Khơ mú	Lò Văn Đình	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
210	Vì Văn Khuẩn	15/05/2013	7A1	Lào	Vì Văn Xích	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
211	Lường Văn Luyến	30/05/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Đum	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
212	Lò Thị Phong	28/02/2013	7A1	Khơ mú	Lò Văn Tới	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
213	Lò Văn Quang	17/07/2013	7A1	Khơ mú	Cút Thị Bau	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
214	Vì Vinh Quang	41528	7A1	Lào	Vì Văn Phanh	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
215	Lò Thanh Quyền	24/02/2013	7A1	Lào	Lò Văn Pha	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
216	Cút Thị Quỳnh	06/11/2013	7A1	Khơ mú	Cút Văn Khăm	Cò Dừa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
217	Thào A Cá Súa	16/05/2013	7A1	Mông	Thào A Chư	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
218	Lường Thị Thái	06/06/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Nguyên	Tin Tốc - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
219	Lường Thị Thiên	02/12/2013	7A1	Khơ mú	Lường Văn Cầm	Pá Chá - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
220	Lường Văn Thoang	15/08/2013	7A1	Khơ mú	Lường Thị Lợi	Huổi Không - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
221	Thào Thị Vư	04/03/2013	7A1	Mông	Thào A Po Dê	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
222	Lò Thị Yên	29/01/2013	7A1	Khơ mú	Lò Văn Bảo	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
223	Lò Văn Bảo	21/03/2013	7A2	Lào	Lò Văn Thành	Bản Lối - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
224	Cút Văn Bằng	10/07/2013	7A2	Khơ mú	Cút Văn Khan	Co Đưa - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
225	Lường Thị Bích	01/04/2013	7A2	Khơ mú	Cút Văn Nen	Na Chén - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
226	Lò Thị Chi	23/02/2013	7A2	Khơ mú	Lường Văn Lan	Tin Tốc - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
227	Vư A Dênh	14/07/2013	7A2	Mông	Vư A Dơ	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
228	Cút Thị Doanh	14/05/2013	7A2	Khơ mú	Cút Thị Xeng	Co Đưa - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
229	Lò Văn Đại	10/09/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Nhấp	Huổi Chon - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
230	Lò Văn Đông	07/11/2013	7A2	Lào	Lò Văn Pan	Bản Lối - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
231	Lường Văn Hà	29/05/2013	7A2	Khơ mú	Lường Văn Luyến	Tin Tốc - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
232	Lò Thị Hào	07/09/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Sơ	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
233	Cút Văn Hiếu	10/04/2013	7A2	Khơ mú	Cút Văn Ngọc	Co Đưa - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
234	Lò Văn Hời	11/09/2013	7A2	Lào	Lò Văn Phênh	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
235	Lò Thị Hợp	24/06/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Tinh	Tin Tốc - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
236	Lò Văn Hưng	25/10/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Chiến	Huổi Không - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
237	Thào Thị Lìa	24/01/2013	7A2	Mông	Thào A Sênh	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
238	Lò Thị Linh	12/11/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Vinh	Huổi Không - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
239	Lò Thị Linh	16/09/2013	7A2	Khơ mú	Lường Văn Khánh	Huổi Chon - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
240	Lò Văn Nam	03/08/2013	7A2	Lào	Lò Văn Phanh	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
241	Thào Thị Súa Nênh	16/01/2013	7A2	Mông	Thào A Pênh	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
242	Lò Thị Bích Nghệ	06/07/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Siêng	Huổi Cảnh - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
243	Lò Thị Thào Nguyên	25/06/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Trường	Pá Chá - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
244	Lò Thị Tâm Như	15/05/2013	7A2	Lào	Lò Văn Thân	Bản Lối - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
245	Lò Thị Minh Phương	12/09/2013	7A2	Lào	Lò Văn Phấn	Bản Lối - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
246	Lò Thị Sơn	15/08/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Tuấn	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
247	Thào A Tháng	31/08/2013	7A2	Mông	Thào A Dê	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
248	Lò Văn Thuyết	11/01/2013	7A2	Khơ mú	Lò Văn Chung	Huổi Cảnh - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
249	Lường Văn Truyền	20/09/2011	7A2	Khơ mú	Lường Văn Thiêm	Huổi Chon - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
250	Giàng A Trường	13/12/2013	7A2	Mông	Giàng Pó Chua	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
251	Thào Thị Bi	16/07/2013	7A3	Mông	Thào A Chá	Noong É - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
252	Lường Thị Chuyên	25/09/2013	7A3	Khơ mú	Quàng Văn Nguyên	Na Cọ - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
253	Lò Thị Hồng Diệp	08/07/2013	7A3	Khơ mú	Lò Văn Kiêm	Huổi Không - Mưong nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
254	Lò Văn Đạo	05/05/2013	7A3	Kho mù	Lò Văn Quê	Tin Túc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
255	Lường Đức Đạt	17/02/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn Hải	Tin Túc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
256	Lò Thị Diễm Hằng	09/10/2013	7A3	Lào	Lò Văn Liên	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
257	Cút Thị Hậu	07/10/2013	7A3	Kho mù	Cút Văn Khuyên	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
258	Lường Văn Huy	17/09/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn May	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
259	Trương Thị Mai Hương	01/01/2013	7A3	Kinh	Trương Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
260	Vi Văn Khai	02/05/2013	7A3	Lào	Vi Văn Thường	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
261	Lò Minh Khang	17/09/2013	7A3	Lào	Lò Văn Lâm	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
262	Lường Thị Lê	02/03/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn May	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
263	Lò Thị Lưu	03/03/2013	7A3	Kho mù	Lò Văn Nương	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
264	Lò Văn Mạnh	04/04/2013	7A3	Lào	Lò Văn Hưng	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
265	Lò Văn Nam	05/01/2013	7A3	Kho mù	Lò Văn Quê	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
266	Vừ Thị Pa	08/12/2013	7A3	Mông	Vừ Tông Dênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
267	Lò Văn Phúc	12/10/2013	7A3	Kho mù	Lò Văn Tuyên	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
268	Thào Nênh Pó	10/12/2012	7A3	Mông	Thào A Cha	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
269	Vi Anh Sao	30/09/2013	7A3	Lào	Vi Văn Vinh	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
270	Lò Thị Hồng Sen	12/09/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn Thuận	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
271	Lò Thị Thanh Tâm	03/01/2013	7A3	Kho mù	Lò Văn Lả	Tin Túc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
272	Lường Thị Thắng	15/06/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn Dũng	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
273	Lò Minh Trí	28/11/2013	7A3	Lào	Lò Văn Cương	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
274	Thào A Trường	06/03/2013	7A3	Mông	Thào A Mênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
275	Quảng Tuấn Tú	16/07/2013	7A3	Kho mù	Quảng Đăng Sang	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
276	Lường Văn Tuấn	22/10/2012	7A3	Kho mù	Mòng Thị Quê	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
277	Lường Thị Ưong	20/09/2013	7A3	Kho mù	Lường Văn Hành	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
278	Lường Thị Anh	31/03/2012	8A1	Kho mù	Lường Văn Nhân	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
279	Quảng Thị Bích	21/10/2012	8A1	Kho mù	Quảng Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
280	Lò Thanh Bình	01/11/2012	8A1	Kho mù	Lò Văn Kiên	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
281	Thào A Pô Dê	25/05/2012	8A1	Mông	Thào A Lông	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
282	Lò Thị Huyền Diệu	01/09/2012	8A1	Lào	Lò Thị Muôn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
283	Cút Văn Duy	23/11/2012	8A1	Kho mù	Cút Văn Châu	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
284	Lường Hạo Duy	16/06/2012	8A1	Kho mù	Lò Thị Phương	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
285	Lường Thị Duyên	08/08/2012	8A1	Kho mù	Lường Văn Đêm	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
286	Thào A Dương	03/12/2012	8A1	Mông	Thào A Chư	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
287	Thào Thị Di	13/10/2012	8A1	Mông	Thào A Sĩa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
288	Lường Thị Hạo	19/03/2012	8A1	Kho mù	Lường Văn Pan	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
289	Cút Văn Hắc	18/02/2012	8A1	Kho mù	Cút Thị Soi	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
290	Lường Văn Hiệu	23/07/2012	8A1	Kho mù	Lường Văn Trường	Tin Túc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
291	Lương Văn Lê	22/10/2012	8A1	Kho mù	Lương Văn Dân	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
292	Lương Thị Minh	31/08/2012	8A1	Kho mù	Lương Văn Chung	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
293	Lò Thị Nguyệt	14/12/2012	8A1	Kho mù	Lò Văn Ngam	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
294	Nà Thị Nhi	12/11/2012	8A1	Kho mù	Nà Văn Sang	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
295	Lương Thị Phong	19/04/2012	8A1	Kho mù	Lương Văn Chiến	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
296	Thào Pa Tà	12/02/2012	8A1	Mông	Thào A Ma	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
297	Lương Thị Uyên	30/12/2012	8A1	Kho mù	Lò Thị Hom	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
298	Lương Thị Ngọc Bích	07/09/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Thương	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
299	Lò Văn Công	03/09/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Ợi	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
300	Vừ Thị Ca Dưa	01/01/2012	8A2	Mông	Vừ A Dơ	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
301	Sùng Tiến Dũng	24/07/2012	8A2	Mông	Sùng A Tráng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
302	Lò Quang Duy	05/04/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Thích	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
303	Lương Thị Duyên	17/05/2012	8A2	Kho mù	Lương Văn Nam	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
304	Lò Thanh Đạt	13/06/2012	8A2	Kho mù	Lương Văn Pan	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
305	Lò Thị Hanh	09/03/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
306	Lò Thị Hành	08/05/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Phúc	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
307	Lò Thị Thu Hoài	16/04/2012	8A2	Lào	Lò Văn Bun	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
308	Lương Thị Hời	01/05/2012	8A2	Kho mù	Lương Văn Đêm	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
309	Lò Văn Hợp	09/06/2011	8A2	Kho mù	Lò Văn Thi	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
310	Phạm Quốc Huy	10/02/2012	8A2	Kinh	Vì Thị Xuân	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
311	Lò Văn Đăng Khôi	02/08/2012	8A2	Lào	Lò Thị Kẹo	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
312	Lương Thị Mon	27/08/2011	8A2	Kho mù	Lương Thị Phon	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
313	Lương Đại Nguyên	08/11/2012	8A2	Kho mù	Lương Văn Luân	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
314	Lò Văn Phóng	23/05/2012	8A2	Kho mù	Lò Văn Tinh	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
315	Lương Thị Quách	10/11/2012	8A2	Kho mù	Lương Văn Xuân	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
316	Giàng A Sáng	14/10/2012	8A2	Mông	Giàng A Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
317	Vừ Thị Si	15/06/2012	8A2	Mông	Vừ Pó Chua	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
318	Thào A Thang	24/11/2012	8A2	Mông	Vàng Thị Chư	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
319	Lò Thị Phương Thảo	20/08/2012	8A2	Lào	Lò Văn Pha	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
320	Lò Thị Huyền Châu	04/03/2012	8A3	Lào	Lò Văn Thông	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
321	Lương Văn Chí	28/10/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Cẩm	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
322	Thào Thị Chua	30/07/2012	8A3	Mông	Thào A Vừ Pó	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
323	Lương Văn Đông	22/08/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Uôn	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
324	Mông Văn Hải	19/04/2012	8A3	Kho mù	Mông Văn Anh	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
325	Lò Thị Hạnh	09/12/2012	8A3	Kho mù	Lò Văn Thèn	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
326	Lương Văn Hạo	12/07/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Khánh	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
327	Lương Thị Hằng	19/05/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Chiến	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
328	Lương Thị Hoir	17/02/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Chanh	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
329	Lò Văn Khải	13/10/2012	8A3	Kho mù	Lò Văn Khuyên	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
330	Giàng Thị Lại	03/02/2012	8A3	Mông	Giàng Pó Chua	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
331	Lương Văn Lợi	15/12/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Nam	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
332	Lương Văn Lợi	11/02/2012	8A3	Kho mù	Lương Thị Thìn	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
333	Lương Thị Ly	06/03/2012	8A3	Kho mù	Lương Văn Tuấn	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
334	Trịnh Nguyễn Hồng Qu	23/10/2012	8A3	Kinh	Trịnh Đình Thiết	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
335	Nà Thị Sy	15/02/2012	8A3	Kho mù	Nà Văn Dương	Co Đũa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
336	Thào A Tằng	26/01/2012	8A3	Mông	Thào A Vừ	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
337	Lò Thị Hương Thảo	30/05/2012	8A3	Lào	Lò Văn Cương	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
338	Lò Văn Thắng	13/01/2012	8A3	Kho mù	Lò Văn Quyết	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
339	Thào A Tông	28/06/2012	8A3	Mông	Thào A Nénh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
340	Cút Thị Trang	17/03/2012	8A3	Kho mù	Cút Văn Khăm	Co Đũa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
341	Lò Thị Tuyết	30/09/2012	8A3	Kho mù	Lò Văn Thơi	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
342	Lò Thị Vân	27/03/2012	8A3	Kho mù	Lò Văn Hắc	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
343	Lò Văn Chuyên	03/09/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Muôn	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
344	Nà Văn Chuyên	05/01/2012	8A4	Kho mù	Nà Văn Chanh	Co Đũa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
345	Lương Thị Hà	01/04/2012	8A4	Kho mù	Lương Văn Bầu	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
346	Lò Thị Hải	12/10/2012	8A4	Kho mù	Quàng Văn Tích	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
347	Thào Thị Hua	13/12/2012	8A4	Mông	Thào A Chénh	Bản C5 - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
348	Lò Văn Huy	10/11/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Tiết	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
349	Lò Văn Khánh	29/01/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Tuyển	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
350	Lò Hào Nam	14/07/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Phương	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
351	Lò Thị Nguyễn	27/02/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Dũng	Co Đũa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
352	Thào Thị Ca Rùa	16/04/2012	8A4	Mông	Thào A Rùa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
353	Lương Văn Thanh	23/02/2012	8A4	Kho mù	Lương Văn Định	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
354	Thào A Thắng	22/05/2012	8A4	Mông	Thào A Công	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
355	Lò Thị Thoa	04/06/2012	8A4	Lào	Trần Văn Trung	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
356	Lò Văn Thủy	12/01/2012	8A4	Lào	Lò Văn Sơn	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
357	Lò Văn Thủy	06/06/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Quý	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
358	Lò Thị Ngọc Trâm	05/07/2012	8A4	Lào	Lò Tiến Văn	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
359	Lò Thanh Tùng	06/06/2012	8A4	Lào	Lò Thị Ún	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
360	Lương Văn Vãn	03/01/2012	8A4	Kho mù	Lương Văn Nhọt	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
361	Lò Thị Vũ	02/04/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Thiêm	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
362	Lò Thị Vũ	27/04/2012	8A4	Kho mù	Lò Văn Quê	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
363	Lương Thị Yên	12/09/2012	8A4	Kho mù	Lương Văn Cầm	Tin Tóc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
364	Vì Thị Ngọc Ánh	03/02/2011	9A1	Lào	Vì Văn Thương	Bản Lối - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
365	Quảng Thị Yến Châu	30/04/2011	9A1	Khơ mú	Quảng Đăng Sang	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
366	Thào Thị Chông	06/03/2011	9A1	Mông	Thào A Sai	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
367	Thào A Tum Dơ	10/06/2010	9A1	Mông	Thào A Hư	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
368	Lò Tiến Đạt	02/08/2011	9A1	Lào	Lò Văn Phôm	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
369	Quảng Văn Diếp	07/12/2011	9A1	Khơ mú	Lương Thị Liên	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
370	Lò Thị Định	04/07/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Hình	Tin Tốc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
371	Lò Thị Định	29/11/2011	9A1	Khơ mú	Lò Thị Vinh	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
372	Lò Thị Hà Giang	04/01/2011	9A1	Lào	Lò Văn Thân	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
373	Cút Thị Hà	14/04/2011	9A1	Khơ mú	Cút Văn Lang	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
374	Lò Văn Hà	28/10/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Kim	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
375	Lò Thị Hải	18/11/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Cương	Tin Tốc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
376	Lò Thái Khang	07/03/2011	9A1	Lào	Lò Văn Thông	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
377	Cút Văn Khoa	18/02/2011	9A1	Khơ mú	Cút Văn Nhạng	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
378	Lương Thị Khoa	15/03/2011	9A1	Khơ mú	Lương Văn Nam	Tin Tốc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
379	Lò Thị Là	19/09/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Tinh	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
380	Lương Thị Nguyễn	04/02/2011	9A1	Khơ mú	Lương Văn Hải	Tin Tốc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
381	Mòng Văn Nguyệt	01/09/2011	9A1	Khơ mú	Mòng Văn Thắng	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
382	Lò Duy Nhất	15/12/2011	9A1	Lào	Lò Văn My	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
383	Lương Tuyên Quang	23/09/2011	9A1	Khơ mú	Lương Văn Tiên	Tin Tốc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
384	Lò Văn Tích	02/08/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Dũng	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
385	Lò Thị Vũ Trâm	14/08/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Hòa	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
386	Nạ Văn Tuấn	10/11/2011	9A1	Khơ mú	Nạ Văn Bin	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
387	Lò Thanh Tùng	19/12/2011	9A1	Khơ mú	Lò Văn Dương	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
388	Lò Thị Uyên	04/01/2011	9A1	Khơ mú	Cút Văn Khăn	Na Chén - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
389	Lò Thu Văn	17/09/2011	9A1	Lào	Lò Văn Say	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
390	Lò Bảo An	06/11/2011	9A2	Lào	Lò Văn Phấn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
391	Lò Thị Anh	09/02/2011	9A2	Khơ mú	Lò Thị Hương	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
392	Lò Văn Anh	28/10/2011	9A2	Khơ mú	Lò Văn Kim	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
393	Lương Văn Chiến	06/08/2011	9A2	Khơ mú	Lương Văn Nhọt	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
394	Thào A Du	10/06/2011	9A2	Mông	Thào A Chư	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
395	Mong Văn Duy	05/09/2011	9A2	Khơ mú	Mong Văn O	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
396	Lò Văn Diếp	28/11/2011	9A2	Khơ mú	Lò Văn Tới	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
397	Lò Thị Định	04/07/2011	9A2	Lào	Lò Văn Triển	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
398	Mong Thị Thiên Doá	30/09/2011	9A2	Khơ mú	Mong Văn Kéo	Pá Chà - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
399	Lò Văn Hải	10/04/2011	9A2	Khơ mú	Lò Văn Hoà	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
400	Lương Văn Hiệu	09/11/2011	9A2	Khơ mú	Lương Văn Thêm	Co Dưa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
401	Lò Thị Hoa	10/11/2011	9A2	Khơ mú	Lò Văn Phó	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
402	Lò Thị Huệ	10/01/2011	9A2	Lào	Lò Văn Bun	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
403	Lương Văn Khôi	03/10/2011	9A2	Kho mù	Lương Văn Thoi	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
404	Thào Thị Lia	10/11/2011	9A2	Mông	Thào A Chur	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
405	Lương Văn Mạnh	17/05/2011	9A2	Kho mù	Lương Văn Quí	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
406	Lò Văn Sơn	21/08/2011	9A2	Kho mù	Lò Văn Biên	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
407	Thào A Sơn	26/10/2011	9A2	Mông	Thào A Sông	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
408	Vì Văn Tài	08/11/2011	9A2	Lào	Vì Văn Muốn	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
409	Lò Thị Thào	22/09/2011	9A2	Kho mù	Lò Văn Khôi	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
410	Lương Thị Thắm	19/10/2011	9A2	Kho mù	Lương Văn Sâm	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
411	Cút Thị Thăng	19/11/2011	9A2	Kho mù	Cút Văn In	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
412	Lò Văn Thắng	07/06/2011	9A2	Kho mù	Lò Văn Nhọt	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
413	Lò Ngọc Thiện	30/03/2011	9A2	Lào	Lò Văn Cương	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
414	Lương Thị Thúc	10/02/2011	9A2	Kho mù	Lương Văn May	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
415	Lò Văn Tuyết	12/05/2011	9A2	Kho mù	Lò Văn Muốn	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
416	Lương Thị Văn	13/02/2011	9A2	Kho mù	Lương Thị Lót	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
417	Lò Thị Ngọc Bích A	16/04/2011	9A3	Lào	Lò Văn Phanh	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
418	Lò Thị Ngọc Bích B	29/08/2011	9A3	Kho mù	Lò Văn Thu	Noong Ngua - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
419	Cút Thị Bắc	27/01/2011	9A3	Kho mù	Cút Văn Lư	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
420	Lương Văn Cải	13/03/2011	9A3	Kho mù	Lương Văn Bao	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
421	Lương Thị Chiến	02/12/2011	9A3	Kho mù	Lương Văn Dũng	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
422	Lò Thị Anh Chúc	15/01/2011	9A3	Lào	Lò Văn Thắm	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
423	Lò Thị Bích Doanh	17/12/2011	9A3	Kho mù	Lò Văn Siêng	Huổi Cảnh - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
424	Lương Văn Duy	01/03/2011	9A3	Kho mù	Lương Văn Kỳ	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
425	Thào Thị Dâu	12/12/2011	9A3	Mông	Thào A Dĩa	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
426	Thào A Giổng	17/10/2011	9A3	Mông	Thào A Chá	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
427	Lương Thị Hành	13/08/2011	9A3	Kho mù	Lương Thị Chính	Tin Tộc - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
428	Thào A Hành	23/06/2011	9A3	Mông	Thào A Mênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
429	Lò Văn Hòa	24/02/2011	9A3	Kho mù	Lò Văn Dũng	Co Dứa - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
430	Lò Văn Kiệt	26/04/2011	9A3	Lào	Lò Thị Ảnh	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
431	Trình Nguyễn Hồng Kì	20/01/2011	9A3	Kinh	Lò Thị Phong	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
432	Lò Thị Ngân	04/10/2011	9A3	Lào	Lò Văn Phanh	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
433	Lò Thị Ngọc	12/01/2011	9A3	Kho mù	Lò Văn Thích	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
434	Vì Thị Uyên Nhi	11/12/2011	9A3	Lào	Vì Văn Tha	Bản Lới - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
435	Lương Văn Niệm	19/03/2011	9A3	Kho mù	Lương Văn Dân	Huổi Chon - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
436	Vừ A Phòng	06/11/2010	9A3	Mông	Vừ A Nênh	Noong É - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
437	Lò Văn Phương	19/12/2011	9A3	Lào	Lương Thị May	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
438	Lò Văn Quân	28/02/2011	9A3	Kho mù	Lò Văn Kiêm	Huổi Không - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hộ trợ/tháng	Tiền ở được hộ trợ/tháng	Gạo được hộ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hộ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hộ trợ/tháng	Tổng số gạo được hộ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
439	Lường Văn Quý	16/08/2011	9A3	Kho mù	Lường Văn Thành	Na Cọ - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
440	Lường Thị Phương Thà	09/04/2011	9A3	Kho mù	Lường Văn Luân	Pá Chả - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
441	Lò Thị Minh Thư	12/07/2011	9A3	Lào	Lò Văn Cương	Bản Lôi - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
442	Lường Văn Tuấn	03/12/2011	9A3	Kho mù	Lường Văn Anh	Tìn Tót - Mường nhà	936.000		15	4	3.744.000		60	
	Tổng cộng										1.673.568.000	0	26.820	

Học sinh bản trú lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 01 tháng các chính sách quy định